

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HS-ST

Ngày: 23 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phận

Ông Nguyễn Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 14/4/1996 tại huyện BT, tỉnh V; Nơi cư trú: Tổ 05, ấp TN, xã TL, huyện BT, tỉnh V; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị B; có vợ Phạm Thị Thanh T và có 01 con, sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam ngày 14/3/2023, đến ngày 10/4/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Lê Hoàng M, sinh ngày 11/02/1992 tại huyện BT, tỉnh V; Nơi cư trú: Tổ 04, khóm Thành T, thị trấn Tân Q, huyện BT, tỉnh V; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng G và bà Lê Thị Mỹ V; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam ngày 14/3/2023, đến ngày 10/4/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: Phan Công B, sinh ngày 09/3/1991 tại huyện BT, tỉnh V; Nơi cư trú: Tổ 06, ấp Thành T, xã Thành L, huyện BT, tỉnh V; Nghề nghiệp: Sửa xe;

Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị L; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam ngày 14/3/2023, đến ngày 10/4/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo thứ tư: **Võ Văn D***, sinh ngày 01/01/1974 tại tỉnh S; Nơi cư trú: 534/25, đường Lý Thường Kiệt, khóm 03, phường 4, thành phố S, tỉnh S; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn M (chết) và bà Đặng Thị T (chết); có vợ Nguyễn Thị Bích H và con có 03 người (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2017); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam ngày 14/3/2023, đến ngày 10/4/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo thứ năm: **Trần Ngọc D***, sinh ngày 01/01/1977 tại huyện BT, tỉnh V; Nơi cư trú: Tổ 17, ấp Thành P, xã Thành L, huyện BT, tỉnh V; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị Phương H; có vợ Lê Thị Bích L và con có 02 người (sinh năm 2002 và sinh năm 2010); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam ngày 14/3/2023, đến ngày 10/4/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo thứ sáu: **Võ Thành C***, sinh ngày 25/5/1985 tại huyện BT, tỉnh V; Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Thành P, xã Thành L, huyện BT, tỉnh V; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hữu K và bà Trần Thị D; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/11/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh V xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 15/6/2005 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương (đã được xóa án tích); Bị cáo bị tạm giam ngày 14/3/2023, đến ngày 10/4/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo thứ bảy: **Đinh Thị L***, sinh ngày 01/01/1977 tại huyện BT, tỉnh V; Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Thành P, xã Thành L, huyện BT, tỉnh V; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị V (chết); có chồng Võ Ngọc T và con có 02 người (sinh năm 2001 và sinh năm 2004); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam ngày 14/3/2023, đến ngày 11/4/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo thứ tám: **Nguyễn Thị N***, sinh ngày 01/01/1966 tại huyện BT, tỉnh V; Nơi cư trú: Tổ 07, khóm 3, phường Thành P, thị xã BM, tỉnh V; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Phạm Thị X (chết); có chồng Thái Hồng H và con có 03 người (lớn nhất sinh năm 1988 và nhỏ nhất sinh năm 1993); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam ngày

14/3/2023, đến ngày 10/4/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào buổi trưa ngày 01/3/2023, Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N đi đến quán nước do chị Trần Thị Mỹ D quản lý, tại tổ 06, ấp Thành T, xã Thành L, huyện BT, tỉnh V để uống cà phê. Tại đây, Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N rủ nhau chơi đánh bài được thua bằng tiền thì tất cả đồng ý.

Hình thức đánh bài là dùng bộ bài tây 52 lá, chơi bài binh Ấn Độ gồm 06 tụ, mỗi tụ được chia sáu lá bài (trong đó có một người làm nhà cái, chia bài chơi ăn thua với các tụ đặt tiền và đặt ké). Nguyễn Văn Đ là người làm cái, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Võ Thành C, Đinh Thị L thì đặt tụ; Trần Ngọc D, Nguyễn Thị N thì đặt ké. Mỗi bàn đặt từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng. Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N cùng nhau chơi bài đến khoảng 14 giờ cùng ngày (01/3/2023) thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: 01 bộ bài tây 52 lá, số tiền 1.325.000 đồng cùng nhiều vật chứng có liên quan.

Quá trình điều tra xác định được số tiền Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N tham gia đánh bạc là 11.525.000 đồng (gồm 1.325.000 đồng thu tại chiếu bạc, 2.800.000 đồng thu của Đ, 2.700.000 đồng thu của M, 1.000.000 đồng thu của B, 1.000.000 đồng thu của Trần Ngọc D, 1.100.000 đồng thu của C, 400.000 đồng thu của L, 1.200.000 đồng thu của N, tất cả đều cất giấu trong người dùng để đánh bạc).

Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N qua quá trình điều tra đã thừa nhận hành vi chơi đánh bài ăn thua bằng tiền tại quán nước do chị D quản lý thì bị Công an bắt quả tang.

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N về tội “Đánh bạc” và ra Lệnh bắt tạm giam để điều tra. Đến ngày 10/4/2023 và ngày 11/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V hủy bỏ biện pháp tạm giam, Cơ quan điều tra Công an huyện BT, tỉnh V ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra cho đến nay.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh, giải quyết được như sau:

- Đối với 01 bộ bài tây 52 lá, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 1.325.000 đồng thu tại chiếu bạc, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.800.000 đồng thu của Đ dùng để đánh bạc; 2.700.000 đồng thu của M dùng để đánh bạc; 6.500.000 đồng thu của B, dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc (còn 5.500.000 đồng không đánh bạc); 2.100.000 đồng thu của Trần Ngọc D, dùng 1.000.000 đồng để đánh bạc (còn 1.100.000 đồng không dùng đánh bạc); 1.100.000 đồng thu của C dùng để đánh bạc; 3.900.000 đồng thu của L, dùng 400.000 đồng đánh bạc (còn 3.500.000 đồng không dùng đánh bạc); 11.200.000 đồng thu của N, dùng 1.200.000 đồng để đánh bạc (còn 10.000.000 đồng không dùng đánh bạc). Cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền dùng đánh bạc là: 2.800.000 đồng của Đ, 2.700.000 đồng của M, 1.000.000 đồng của B, 1.000.000 đồng của Trần Ngọc D, 1.100.000 đồng của C, 400.000 đồng của L, 1.200.000 đồng của N; cần trả lại cho B số tiền 5.500.000 đồng, trả lại cho Trần Ngọc D số tiền 1.100.000 đồng, trả lại cho L 3.500.000 đồng và trả lại cho N 10.000.000 đồng.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 xe mô tô biển số 64K1-126.38 thu của M; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A93, 01 xe mô tô biển số 64B2-211.26 thu của Đ; 01 điện thoại di động hiệu Realme, 01 xe mô tô biển số 64K1-089.25 thu của B; 01 điện thoại di động hiệu Realme thu của Văn D; 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu của Ngọc D; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 xe mô tô biển số 59X2-558.62 thu của C; 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu của L; 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu của N; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 xe mô tô biển số 64K1-065.43 thu của Võ Ngọc T; 01 xe mô tô biển số 64K1-249.34 thu của Trần Thị Mỹ D; số tiền 1.200.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 64K1-069.45 thu của Đặng Minh P, là tài sản riêng không liên quan đến việc đánh bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại xong.

Đối với chị Trần Thị Mỹ D (quản lý quán) không tham gia đánh bạc, không lấy tiền xâu nên không có cơ sở để xử lý.

Tại cáo trạng số: 29/CT-VKSBT ngày 08/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của các bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Đề nghị xử phạt các bị cáo Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thành C từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt các bị cáo Lê Hoàng M, Võ Văn D, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Võ Thành C, Trần Ngọc D và bị cáo Phan Công B (do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương).

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 11.525.000 đồng gồm: 1.325.000 đồng thu tại chiếu bạc và số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 2.800.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn Đ, 2.700.000 đồng của bị cáo Lê Hoàng M, 1.000.000 đồng của bị cáo Phan Công B, 1.000.000 đồng của bị cáo Trần Ngọc D, 1.100.000 đồng của bị cáo Võ Thành C, 400.000 đồng của bị cáo Đinh Thị L và 1.200.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị N.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Phan Công B số tiền 5.500.000 đồng; trả lại bị cáo Trần Ngọc D số tiền 1.100.000 đồng; trả lại bị cáo Đinh Thị L số tiền 3.500.000 đồng và trả lại bị cáo Nguyễn Thị N 10.000.000 đồng (vì số tiền này các bị cáo không dùng đánh bạc), nhưng cần tạm giữ số tiền của bị cáo N và L để đảm bảo công tác thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 xe mô tô biển số 64K1-126.38 thu của bị cáo M; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A93, 01 xe mô tô biển số 64B2-211.26 thu của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu Realme, 01 xe mô tô biển số 64K1-089.25 thu của bị cáo B; 01 điện thoại di động hiệu Realme thu của bị cáo Võ Văn D; 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu của bị cáo Trần Ngọc D; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 xe mô tô biển số 59X2-558.62 thu của bị cáo C; 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu của bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu của bị cáo N; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 xe mô tô biển số 64K1-065.43

thu của Võ Ngọc T; 01 xe mô tô biển số 64K1-249.34 thu của Trần Thị Mỹ D; số tiền 1.200.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 64K1-069.45 thu của Đặng Minh P là tài sản riêng không liên quan đến việc đánh bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại xong đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với chị Trần Thị Mỹ D (quản lý quán) không tham gia đánh bạc, không lấy tiền xâu nên không có cơ sở để xử lý.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V đã truy tố, các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nói lời sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BT, tỉnh V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản xảy ra sự việc, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 14 giờ ngày 01/3/2023, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N trong lúc đang chơi đánh bài ăn thua bằng tiền tại quán nước do chị Trần Thị Mỹ D quản lý tại tổ 06, ấp Thành T, xã Thành L, huyện BT, tỉnh V thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 11.525.000 đồng (gồm 1.325.000 đồng thu tại chiếu bạc, 2.800.000 đồng thu của bị cáo Đ, 2.700.000 đồng thu của bị cáo M, 1.000.000 đồng thu của bị cáo B, 1.000.000 đồng thu của bị cáo Trần Ngọc D, 1.100.000 đồng thu của bị cáo C, 400.000 đồng thu của bị cáo L, 1.200.000 đồng thu của bị cáo N, tất cả đều cất giấu trong người dùng để đánh bạc).

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân BT, tỉnh V truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N với tội danh cùng điều luật nêu trên là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự xã hội là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ và trừng trị nghiêm khắc. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, vì muốn có tiền để tiêu xài, không phải lao động vất vả nên các bị cáo vẫn bất chấp phạm tội, tụ tập lại với nhau tại quán nước do chị Trần Thị Mỹ D quản lý, thuộc tổ 06, ấp Thành T, xã Thành L, huyện BT, tỉnh V để sát phạt với nhau bằng việc chơi bài binh Ẩn Độ sáu lá ăn thua bằng tiền. Việc đánh bạc bị nhà nước nghiêm cấm, là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng, phát sinh nhiều tội phạm khác nhau, nhà nước bằng các quy phạm pháp luật với các chế tài hình sự rất nghiêm khắc để giáo dục, trừng trị những người tham gia vào tệ nạn xã hội này, nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội thể hiện tính xem thường pháp luật. Hành vi này của các bị cáo còn tìm ẩn nguy cơ làm khánh kiệt tài sản của chính gia đình các bị cáo và của nhiều người khác khi tham gia đánh bạc, đồng thời gây ảnh hưởng đến nếp sống văn minh và gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, vì các bị cáo không bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, các bị cáo tự đến quán nước của chị D rồi rủ nhau cùng chơi đánh bài ăn thua bằng tiền, bị cáo Nguyễn Văn Đ là người làm cái nên mức độ nguy hiểm cao hơn các bị cáo khác, còn các bị cáo Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N chỉ đặt tiền và đặt ké tụ để ăn thua với nhau nên mức độ nguy hiểm thấp hơn. Chính vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung, ngăn chặn tệ nạn cờ bạc trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng, bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản của công dân.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, tất cả 08 bị cáo đã thành khẩn khai báo; các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mức độ sát phạt và số tiền ăn thua từ việc đánh bạc không lớn; cả 07 bị cáo chưa có tiền án, riêng bị cáo Võ Thành C từng có tiền án nhưng đã được xóa án tích. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tương ứng cho từng bị cáo.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đã nhận thức được hành vi vi phạm nên áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử lý các bị cáo là phù hợp, không cần cách ly khỏi xã hội vẫn đảm bảo việc răn đe, cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

Xét các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đinh Thị L, Võ Thành C, Trần Ngọc D, Phan Công B là người có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định, có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn hình phạt bổ sung; các bị cáo Lê Hoàng M, Võ Văn D và Nguyễn Thị N không có việc làm, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho tất cả 08 bị cáo.

[6] Đối với chị Trần Thị Mỹ D (quản lý quán) không tham gia đánh bạc, không lấy tiền xâu nên không có cơ sở để xử lý là có căn cứ.

[7] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 11.525.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc gồm: 1.325.000 đồng thu tại chiếu bạc, 2.800.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Văn Đ, 2.700.000 đồng thu của bị cáo Lê Hoàng M, 1.000.000 đồng thu của bị cáo Phan Công B, 1.000.000 đồng thu của bị cáo Trần Ngọc D, 1.100.000 đồng thu của bị cáo Võ Thành C, 400.000 đồng thu của bị cáo Đinh Thị L và 1.200.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Thị N.

Đối với số tiền thu của các bị cáo không sử dụng để đánh bạc gồm: 5.500.000 đồng thu của bị cáo Phan Công B, 1.100.000 đồng thu của bị cáo Trần Ngọc D; 3.500.000 đồng thu của bị cáo Đinh Thị L và 10.000.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Thị N cần trả lại cho các bị cáo Phan Công B, Trần Ngọc D, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, 01 xe mô tô biển số 64K1-126.38 thu của bị cáo M; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A93, 01 xe mô tô biển số 64B2-211.26 thu của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu Realme, 01 xe mô tô biển số 64K1-089.25 thu của bị cáo B; 01 điện thoại di động hiệu Realme thu của bị cáo Võ Văn D; 01 điện thoại di động hiệu Samsung thu của bị cáo Trần Ngọc D; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 xe mô tô biển số 59X2-558.62 thu của bị cáo C; 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu của bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Oppo thu của bị cáo N; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 xe mô tô biển số 64K1-065.43 thu của Võ Ngọc T; 01 xe mô tô biển số 64K1-249.34 thu của Trần Thị Mỹ D; số tiền 1.200.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 64K1-069.45 thu của Đặng Minh P không liên quan đến việc đánh bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ nên được chấp nhận và Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo

quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến ngày 10/4/2023 là 84 ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện BT, tỉnh V nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đạt cho Ủy ban nhân dân xã Thành L, huyện BT, tỉnh V để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thành L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng M 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến ngày 10/4/2023 là 84 ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện BT, tỉnh V nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Hoàng M cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Q, huyện BT, tỉnh V để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Lê Hoàng M có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Q trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Phan Công B 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến ngày 10/4/2023 là 84 ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày

cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến ngày 10/4/2023 là 84 ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị L 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến ngày 11/4/2023 là 87 ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 09 (chín) tháng 03 (ba) ngày.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện BT, tỉnh V nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Phan Công B, Trần Ngọc D và Đinh Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Thành L, huyện BT, tỉnh V để giám sát, giáo dục. Gia đình của các bị cáo Phan Công B, Trần Ngọc D và Đinh Thị L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thành L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến ngày 10/4/2023 là 84 ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thị xã BM, tỉnh V nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân phường Thành P, thị xã BM, tỉnh V để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Nguyễn Thị N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Thành P, thị xã BM trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Võ Văn D 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến ngày 10/4/2023 là 84 ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố S, tỉnh S nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Võ Văn D cho Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố S, tỉnh S để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Võ Văn D có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Phường 4, thành phố S trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Thành C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được trừ vào thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến ngày 10/4/2023 là 84 ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 03 (ba) tháng 06 (sáu) ngày.

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện BT, tỉnh V nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Võ Thành C cho Ủy ban nhân dân xã Thành L, huyện BT, tỉnh V để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo Võ Thành C có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thành L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

* Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt các bị cáo Lê Hoàng M, Võ Văn D và Nguyễn Thị N mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đinh Thị L, Võ Thành C, Trần Ngọc D và Phan Công B.

Miễn khấu trừ thu nhập cho tất cả các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 11.525.000 đồng các bị cáo dùng để đánh bạc gồm: 1.325.000 đồng thu tại chiếu bạc, 2.800.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Văn Đ, 2.700.000 đồng thu của bị cáo Lê Hoàng M, 1.000.000 đồng thu của bị cáo Phan Công B, 1.000.000 đồng thu của bị cáo Trần Ngọc D, 1.100.000 đồng thu của bị cáo Võ Thành C, 400.000 đồng thu của bị cáo Đinh Thị L và 1.200.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Thị N.

Trả lại bị cáo Phan Công B số tiền 5.500.000 đồng; trả lại bị cáo Trần Ngọc D số tiền 1.100.000 đồng; trả lại bị cáo Đinh Thị L số tiền 3.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 10.000.000 đồng.

(Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh V theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/6/2023).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Hoàng M, Phan Công B, Võ Văn D, Trần Ngọc D, Võ Thành C, Đinh Thị L và Nguyễn Thị N, mỗi bị cáo nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (Phòng hồ sơ lưu);
- VKSND huyện Bình Tân;
- Công an H. Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG);
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- UBND xã Thành Lợi, huyện Bình Tân;
- UBND thị trấn Tân Quới, huyện Bình Tân;
- UBND phường Thành Phước, Tx. Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thanh Hùng